

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **246/2024/HS-PT**

Ngày: 24 - 12 - 2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Ngọc Tuyền;

Các Thẩm phán: 1. Ông Huỳnh Việt Trung;

2. Bà Lưu Thị Thu Thủy;

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Hồng Chi – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Trần Ngọc Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 12 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 226/2024/TLPT-HS ngày 01 tháng 11 năm 2024 đối với bị cáo Trần Hoàng Đăng K và Lê S do có kháng cáo của bị cáo Trần Hoàng Đăng K và Lê S đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 87/2024/HS-ST ngày 10 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

- Bị cáo có kháng cáo.

1. Trần Hoàng Đăng K, sinh ngày 22/10/2006, tại Tiền Giang; Số căn cước công dân: 082206001973; Hộ khẩu thường trú: ấp T, xã T, thị xã C, tỉnh Tiền Giang; Nơi cư trú hiện nay: ấp T, xã T, thị xã C, tỉnh Tiền Giang; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 6/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không; Giới tính: Nam; Con ông: Trần Văn M, sinh năm 1982 và bà: Hoàng Thị P, sinh năm 1981; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không; Về nhân thân: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú và tạm hoãn xuất cảnh từ ngày 25/01/2024.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Lê S, sinh ngày 13/6/2007, tại Tiền Giang; Số căn cước công dân: 082207002598; Hộ khẩu thường trú: ấp Q, xã T, thị xã C, tỉnh Tiền Giang; Nơi cư trú hiện nay: ấp Q, xã T, thị xã C, tỉnh Tiền Giang; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 10/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không; Giới tính: Nam; Con ông: Lê Thanh S, sinh năm 1975 và bà: Nguyễn Thị T, sinh năm 1976; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không; Về nhân thân: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú và tạm

hoãn xuất cảnh từ ngày 25/01/2024.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

** Người đại diện hợp pháp cho bị cáo Lê S1: Ông Lê Thanh S, sinh năm 1975 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1976 là cha và mẹ của bị cáo Lê S . (ông S có mặt, bà T vắng mặt)*

Cùng cư trú: Ấp Q, xã T, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

** Người bào chữa cho bị cáo Lê S1: Bà Lê Huỳnh T1 – Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh T. (có mặt).*

Ngoài ra, bản án còn có 07 bị cáo khác, đại diện hợp pháp của các bị cáo, 01 bị hại và 02 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo.

Bản án không bị kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có mâu thuẫn từ trước nên vào tối ngày 03/11/2023 Trần Quốc H, sinh ngày 27/3/2007, đăng ký thường trú: ấp A, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang và Võ Ngọc P1, sinh ngày 13/10/2008, nơi cư trú ấp M, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang gọi điện thoại, nhắn tin nói chuyện, thách thức lẫn nhau và hẹn gặp nhau để giải quyết mâu thuẫn.

Khoảng 22 giờ ngày 03/11/2023 sau khi đã có uống rượu, H rủ Nguyễn Văn N, sinh ngày 19/10/2005, đăng ký thường trú: ấp M, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang; Nguyễn Quốc H1, sinh ngày 19/6/2004, đăng ký thường trú: ấp M, xã L, thị xã C, tỉnh Tiền Giang; Trương Thái D, sinh ngày 15/11/2006, đăng ký thường trú: ấp A, xã C, huyện C, tỉnh Tiền Giang; Nguyễn Minh S2 (S2 đĩa), sinh ngày 15/11/2005, đăng ký thường trú: ấp M, xã L, thị xã C, tỉnh Tiền Giang; Nguyễn Thành L, sinh ngày 22/6/2005, đăng ký thường trú: ấp M, xã L, thị xã C, tỉnh Tiền Giang đi gặp nhóm của Võ Ngọc P1 tại cửa hàng T4 thuộc ấp H, xã L, thị xã C, tỉnh Tiền Giang để giải quyết mâu thuẫn, thì mọi người đồng ý. Lúc này, Nguyễn Văn N gọi điện cho Trần Trọng H2 (tên gọi khác X), sinh ngày 02/4/2010, đăng ký thường trú: ấp Q, xã T, thị xã C, tỉnh Tiền Giang và Lê Huỳnh S3, sinh ngày 21/5/2007, đăng ký thường trú: ấp Q, xã N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang; N nhờ H2, Huỳnh S3 kèm thêm người và đem theo hung khí lên hỗ trợ N đánh nhau thì H2 và Huỳnh S3 đồng ý. Lúc này, Đoàn Bùi M1, sinh ngày 11/7/2010, đăng ký thường trú: ấp Q, xã N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang đang ngồi cùng với H2 và Huỳnh S3 nghe nên biết và đồng ý đi theo hỗ trợ. Lê Huỳnh S3 gọi điện thoại rủ Lê S, sinh ngày 13/6/2007, đăng ký thường trú: ấp Q, xã T, thị xã C, tỉnh Tiền Giang và Trần Hoàng Đăng K, sinh ngày 22/10/2006, đăng ký thường trú: ấp T, xã T, thị xã C, tỉnh Tiền Giang đi đánh nhau thì K và S1 đồng ý.

Khoảng 02 giờ 18 phút ngày 04/11/2023 nhóm của Nguyễn Văn N tập trung trước cửa hàng T4 để chờ nhóm của Võ Ngọc P1 đến đánh nhau nhưng nhóm của P1 không đến nên đi vào C tìm.

Khoảng 03 giờ cùng ngày, nhóm của N gồm: N, H, H1, L, D, S, H2, M1, Huỳnh S3, Minh S2 và K cùng đi đến cầu C để tìm nhóm của P1 để giải quyết mâu thuẫn. K chở S bằng xe mô tô biển kiểm soát 63V9-0692; L chở N bằng xe mô tô biển kiểm soát 63B6-193.61; Minh S2 chở H bằng xe mô tô biển kiểm soát 63G1- 209.08; D chở H2 bằng xe mô tô biển kiểm soát 63B3-897.33 (H2 cầm theo dao tự chế); H1 điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 63B2-885.40 chở theo Huỳnh S3 và M1 (M1 cầm theo đoạn tuýp sắt, Huỳnh S3 cầm theo một dao tự chế). Cả nhóm đi đến quán N2 thuộc khu phố C, phường B, thị xã C, tỉnh Tiền Giang thì gặp Đỗ Phạm Gia H3, sinh ngày 02/02/2009; nơi cư trú ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang ở trong quán nước. H và N đi vào gặp H3 hỏi nhóm P1, C, T2 đang ở đâu thì H3 nói không biết nên N cùng cả nhóm đi lên cầu C đứng đợi.

Khi cả nhóm của N đang đứng trên cầu C thì N nói với cả nhóm là bắt H3 về Bmart không, thì cả nhóm đồng ý. N nói tiếp xe nào trống thì quay lại chở nó đi. Nghe vậy K điều khiển xe mô tô biển số 63V9-0692 chở H2 quay lại quán Bảo N1 chở H3, do có quen biết với nhóm người của N nên H3 đồng ý tự nguyện đi cùng K và H2 về B.

Khi K chở H3 và H2 chạy gần đến nhóm của N đang đứng thì C đi cùng T3 và K1 (chưa rõ nhân thân) trên xe mô tô chạy về hướng quán N2. Nhóm của N trên cầu C nhìn thấy C nên Trương Thái D nói lớn “bây giờ bắt nó về Bmart để nói chuyện”, N cũng nói với cả nhóm “bắt nó về Bmart nói chuyện”, sau đó cả nhóm chạy đuổi theo C. Khi Cảnh vừa đậu xe trước quán nước Bảo N1 thì nhóm của N đến, N cùng H đi vào gặp C kêu gọi điện thoại cho P1 và T2 về nói chuyện giải quyết mâu thuẫn, C gọi cho P1 và T2 nhưng P1 và T2 không nghe máy, D đang đậu xe cách Cảnh khoảng 10 mét và kêu C lên xe đi về Bmart nói chuyện, C không chịu đi thì H2 cầm dao tự chế đi đến đe dọa, H2 cùng N dùng tay kéo, đẩy C lên xe của D đang đậu. D chở C ngồi giữa, H2 ngồi sau tay cầm dao tự chế kề vào cổ của C về đến cửa hàng T4.

Lúc này khoảng 03 giờ 40 phút cùng ngày, H2 cầm dao buộc C phải ngồi vào băng ghế đá trước cửa hàng T4; sau đó N, H, H1, L, K, D, S, Minh S2, Huỳnh S3, M1 cũng về đến B. H3 là bạn của S nên H3 cũng nhờ S1 chở H3 theo cùng về B chơi. Cả nhóm người của N đứng vây quanh giữ C tại đây, H và Nam buộc C gọi điện thoại cho T2 và P1 để đi đến cửa hàng T4 gặp nhóm của N giải quyết mâu thuẫn. C gọi cho T2 và P1 nói là bị bắt cóc rồi, kêu T2 và P1 ra cửa hàng Bmart cứu C nhưng T2 và P1 không đi. N tức giận nói với H2 và M1 là “Hai thằng này bắt tui mình ra đây mà nói chuyện đạo lý, hai thằng bây búp nó luôn đi”, H2 và M1 nghe vậy nên hỏi lại N và Minh S2 “giờ sao hai anh, đánh nó luôn không”, N và Minh S2 đều trả lời là “ừ”. Nghe vậy, H2 và M1 đi đến vị trí của C ngồi dùng tay đánh nhiều cái vào bụng và mặt của C. Nhóm của N giữ

C đến khoảng 04 giờ 35 phút cùng ngày thì đi về, H1 chở C về nhà. Sau đó, anh Phan Hữu C trình báo Công an.

Vật chứng thu giữ:

+ 02 con dao tự chế.

+ 01 đoạn tuýp sắt.

+ 01 đoạn Video ghi lại biến biến sự việc trước cửa hàng T4.

+ 01 (một) xe mô tô biển kiểm soát 63B2-885.40 (xe do Nguyễn Quốc H1 giao nộp).

+ 01 (một) xe mô tô biển kiểm soát 63G1-209.08 (xe do Nguyễn Minh S2 giao nộp).

+ 01 (một) xe mô tô biển kiểm soát 63B6-193.61 (xe do Nguyễn Thành L giao nộp).

+ 01 (một) xe mô tô biển kiểm soát 63V9-0692 (xe do Trần Hoàng Đăng K giao nộp).

+ 01 (một) xe mô tô biển kiểm soát 63B3-897.33 (xe do Trương Thái D giao nộp).

Ngày 25/01/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã C đã ra quyết định xử lý vật chứng trao trả xe mô tô 63B3-897.33 cho chủ sở hữu là anh Trương Thái B1, sinh năm 2004, đăng ký thường trú: ấp A, xã C, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Về trách nhiệm dân sự: Anh Phan Hữu C không yêu cầu bồi thường về dân sự.

*** Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 87/2024/HS-ST ngày 10 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Tiền Giang đã quyết định:**

1. Về hình sự: Tuyên bố bị cáo Trần Hoàng Đăng K, Lê S phạm tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”.

Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 157, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, 58, 91, 101 Bộ luật Hình sự. Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự.

Xử: Phạt bị cáo Trần Hoàng Đăng K 01 (một) năm 08 (tám) tháng tù, thời hạn tù được tính từ ngày bắt bị cáo để chấp hành hình phạt tù.

Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 157, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, 58, 91, 101 Bộ luật Hình sự. Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự.

Xử: Phạt bị cáo Lê S 01 (một) năm 05 (năm) tháng tù, thời hạn tù được tính từ ngày bắt bị cáo để chấp hành hình phạt tù.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định hình phạt đối với 07 bị cáo khác, quyết định về xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 16/9/2024, bị cáo Trần Hoàng Đăng K kháng cáo bản án hình sự sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án hình sự sơ thẩm số: 87/2024/HS-ST ngày 10 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Tiền Giang, cho bị cáo được hưởng án treo.

Ngày 15/9/2024, bị cáo Lê S1 kháng cáo bản án hình sự sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án hình sự sơ thẩm số: 87/2024/HS-ST ngày 10 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Tiền Giang, cho bị cáo được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo K, S giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đề nghị cho bị cáo được hưởng án treo.

Trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo S cũng thống nhất với tội danh và điều luật áp dụng. Tuy nhiên bản thân bị cáo có trình độ học vấn thấp, nhận thức pháp luật có phần hạn chế, phạm tội lần đầu, không có trực tiếp tham gia đánh bị hại C. Bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng. Sau khi phạm tội, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo đồng ý bồi thường tổn thất tinh thần, danh dự nhân phẩm cho người bị hại. Đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng án treo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang xác định đơn kháng cáo của bị cáo là hợp lệ, còn nội dung kháng cáo của các bị cáo xin được hưởng án treo là không có căn cứ. Sau cùng Viện kiểm sát đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các bị cáo, áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, 356 giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Quá trình điều tra, truy tố, xét xử các hành vi và quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, các bị cáo, người bị hại và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu kháng cáo của các bị cáo về việc yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm cho các bị cáo được hưởng án treo, Hội đồng xét xử nhận thấy: Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo khai nhận về hành vi mà các bị cáo đã thực hiện đúng như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan; người làm chứng, vật chứng thu giữ, cùng các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ căn cứ kết luận: Vào khoảng 03 giờ ngày 04/11/2023 tại quán N2 thuộc khu phố

C, phường B, thị xã C, tỉnh Tiền Giang, Nguyễn Văn N, Nguyễn Quốc H1, Trần Hoàng Đăng K, Nguyễn Thành L, Trương Thái D, Lê S, Nguyễn Minh S2, Lê Huỳnh S3, Trần Quốc H có hành vi sử dụng hung khí là dao tự chế uy hiếp, bắt Phan Hữu C lên xe mô tô biển số 63B3-897.33 cho Trương Thái D điều khiển chở về cửa hàng T4 thuộc ấp P, xã L, thị xã C, tỉnh Tiền Giang và giữ Phan Hữu C thời gian khoảng 60 phút. Xét lời thừa nhận tội của các bị cáo là phù hợp biên bản khám nghiệm hiện trường, bản ảnh hiện trường, lời khai người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án và phù hợp với nội dung cáo trạng đã nêu. Như vậy, đã có đủ căn cứ để kết luận các bị cáo Trần Hoàng Đăng K, Lê S1 về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 157 Bộ luật Hình sự. Xét hành vi phạm tội của các bị cáo thật vô cùng táo bạo và liều lĩnh, chỉ vì mâu thuẫn với nhau trước đó mà các bị cáo ngang nhiên thực hiện hành vi phạm tội như đã nêu trên. Xét về tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm đến quyền bất khả xâm phạm về thân thể của công dân nói riêng, quyền tự do, dân chủ của công dân nói chung được bảo vệ bằng pháp luật, trong vụ án này các bị cáo đã xâm phạm đến quyền tự do về thân thể của anh C là hành vi vi phạm pháp luật. Hành vi của các bị cáo còn gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội ở địa phương nơi xảy ra tội phạm, gây tư tưởng hoang mang, lo lắng trong quần chúng nhân dân nơi xảy ra tội phạm. Hành vi phạm tội của các bị cáo thể hiện sự xem thường pháp luật, nên cần xử phạt các bị cáo với mức án tương xứng với hành vi phạm tội của từng bị cáo để nhằm giáo dục, cải tạo các bị cáo và răn đe phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

[3] Tại phiên tòa các bị cáo đều tỏ thái độ thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải hành vi của mình gây ra. Từ những nhận định trên, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Trần Hoàng Đăng K với mức án 01 (một) năm 08 (tám) tháng tù theo quy định điểm e khoản 2 Điều 157, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, 58, 91, 101 Bộ luật Hình sự; Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự và mức án 01 (một) năm 05 (năm) tháng tù đối với bị cáo Lê S1 theo quy định điểm e khoản 2 Điều 157, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, 58, 91, 101 Bộ luật Hình sự; Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, đồng thời Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đến các tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo. Sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo có đơn kháng cáo xin được hưởng án treo nhưng không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ để Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo, nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

Do đó yêu cầu kháng cáo của các bị cáo về việc yêu cầu được hưởng án treo là không có căn cứ, Hội đồng xét xử quyết định không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã phát sinh hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Xét lời đề nghị của người bào chữa cho bị cáo S đề nghị hội đồng xét xử cho bị cáo hưởng án treo là không có căn cứ, không được hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí: các bị cáo phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự.

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo Trần Hoàng Đăng K và bị cáo Lê S . Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 87/2024/HS-ST ngày 10 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

1. Về hình sự: Tuyên bố bị cáo Trần Hoàng Đăng K, Lê S phạm tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”.

Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 157, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, 58, 91, 101 Bộ luật Hình sự. Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự.

Xử: Phạt bị cáo Trần Hoàng Đăng K 01 (một) năm 08 (tám) tháng tù, thời hạn tù được tính từ ngày bắt bị cáo để chấp hành hình phạt tù.

Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 157, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, 58, 91, 101 Bộ luật Hình sự. Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự.

Xử: Phạt bị cáo Lê S 01 (một) năm 05 (năm) tháng tù, thời hạn tù được tính từ ngày bắt bị cáo để chấp hành hình phạt tù.

2 Về án phí hình sự phúc thẩm: bị cáo Trần Hoàng Đăng K phải chịu 200.000 đồng, bị cáo Lê S phải chịu 200.000 đồng.

2. Các phần khác của quyết định án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh Tiền Giang;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

- Phòng hồ sơ CA tỉnh Tiền Giang;
- Trại tạm giam CA tỉnh Tiền Giang;
- Phòng KTNV và THA (TAT);
- TAND thị xã C;
- VKSND thị xã C;
- Công an thị xã C;
- THADS thị xã C;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Lâm Ngọc Tuyên